

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIẾN TRÚNG TUYỂN LIÊN THÔNG TỪ CAO ĐẲNG LÊN ĐẠI HỌC NĂM 2012

Đợt 3 - Ngày thi 29, 30 tháng 9 năm 2012

Ngành Kỹ thuật Điều khiển và TĐH - Chuyên ngành Tự động hóa XNCN - ĐH Chính quy

STT	Số BD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Đ.tượng	Kh.vực	Đ.Cơ sở	Đ.C.ngành	Đ.Uu tiên	Tổng điểm
1	LT12-631	Nguyễn Việt Anh	28/02/91	Nam	Kinh	Vũ Ninh-TP Bắc Ninh	0	2	3.50	6.50	0.50	10.50
2	LT12-632	Trần Đức Anh	15/10/1991	Nam	Kinh	Phổ Yên - Thái Nguyên	0	1	5.00	6.00	1.50	12.50
3	LT12-633	Hoàng Văn Chính	18/07/1986	Nam	Nùng	Hữu Lũng - Lạng Sơn	1	1	5.00	5.50	3.50	14.00
4	LT12-634	Nguyễn Văn Cường	20/09/1991	Nam	Kinh	Triệu Sơn - Thanh Hoá	0	KV2-NT	5.00	5.50	1.00	11.50
5	LT12-635	Nguyễn Công Đông	20/11/91	Nam	Kinh	Tân Yên-Bắc Giang	0	KV2-NT	5.00	6.00	1.00	12.00
6	LT12-636	Nguyễn Văn Đua	15/09/1991	Nam	Kinh	Kinh Môn - Hải Dương	0	1	7.50	6.50	1.50	15.50
7	LT12-637	Đặng Văn Đức	03/06/91	Nam	Kinh	Gia Viễn-Ninh Bình	0	KV2-NT	5.50	7.00	1.00	13.50
8	LT12-638	Nguyễn Anh Đức	25/12/1991	Nam	Kinh	Trung Thành - Thái Nguyên	0	2	6.00	6.50	0.50	13.00
9	LT12-639	Nguyễn Tiến Dũng	21/07/91	Nam	Kinh	Cẩm Phả-Quảng Ninh	0	1	7.50	6.00	1.50	15.00
10	LT12-640	Mạc Khương Duy	12/08/1991	Nam	Tày	Định Hoá - Thái Nguyên	1	1	7.50	6.50	3.50	17.50
11	LT12-641	Nguyễn Thị Duyên	26/10/1991	Nữ	Kinh	Việt Yên - Bắc Giang	0	KV2-NT	8.00	8.50	1.00	17.50
12	LT12-642	Nguyễn Xuân Giao	11/07/86	Nam	Kinh	Phủ Bình-Thái Nguyên	0	1	6.50	6.00	1.50	14.00
13	LT12-643	Bùi Văn Hiếu	30/06/1991	Nam	Kinh	Phủ Lương - Thái Nguyên	0	1	5.00	5.50	1.50	12.00
14	LT12-644	Vũ Trọng Hiếu	27/10/91	Nam	Kinh	Đại Từ-Thái Nguyên	0	1	6.50	6.50	1.50	14.50
15	LT12-645	Nguyễn Văn Hoàn	06/08/1977	Nam	Kinh	Tịch Lương - Thái Nguyên	0	2	4.50	6.50	0.50	11.50
16	LT12-646	Nguyễn Thanh Hùng	24/04/1991	Nam	Kinh	Trung Thành - Thái Nguyên	0	2	5.00	5.50	0.50	11.00
17	LT12-647	Trần Quang Huy	16/06/89	Nam	Kinh	Đồng Hỷ-Thái Nguyên	0	1	6.00	7.50	1.50	15.00
18	LT12-648	Nguyễn Đức Khang	24/09/1991	Nam	Kinh	Tĩnh Gia - Thanh Hoá	0	KV2-NT	7.50	5.50	1.00	14.00
19	LT12-649	Lê Hùng Linh	06/07/1991	Nam	Kinh	Tịch Lương - Thái Nguyên	0	1	6.00	5.50	1.50	13.00
20	LT12-650	Trần Quang Mạnh	10/05/1991	Nam	Kinh	Trung Thành - Thái Nguyên	0	2	5.00	6.50	0.50	12.00
21	LT12-651	Đỗ Văn Minh	25/08/1991	Nam	Kinh	Sông Công - Thái Nguyên	0	1	7.00	6.50	1.50	15.00
22	LT12-652	Nguyễn Hữu Nam	16/09/89	Nam	Kinh	Yên Dũng-Bắc Giang	0	KV2-NT	7.00	7.00	1.00	15.00
23	LT12-653	Vũ Hoàng Nam	29/06/1991	Nam	Kinh	Quang Trung - Thái Nguyên	0	2	8.00	6.00	0.50	14.50
24	LT12-654	Hoàng Xuân Ngà	17/08/90	Nam	Nùng	TP Thái Nguyên	1	1	7.00	5.50	3.50	16.00
25	LT12-655	Nguyễn Hữu Phương	18/09/90	Nam	Kinh	Tiên Lữ-Hung Yên	0	KV2-NT	6.00	8.50	1.00	15.50
26	LT12-656	Lê Thế Quân	05/05/90	Nam	Kinh	Tĩnh Gia-Thanh Hóa	0	1	5.50	6.00	1.50	13.00
27	LT12-657	Nguyễn Hoàng Quân	29/10/1990	Nam	Kinh	Phủ Xá - Thái Nguyên	0	2	5.50	5.50	0.50	11.50
28	LT12-658	Tạ Văn Quang	09/06/1991	Nam	Kinh	Hiệp Hoà - Bắc Giang	0	KV2-NT	7.00	6.00	1.00	14.00

STT	Số BD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Đ.tượng	Kh.vực	Đ.Cơ sở	Đ.C.ngành	Đ.Uu tiên	Tổng điểm
29	LT12-659	Hà Văn Sơn	07/09/90	Nam	Nùng	Định Hóa-Thái Nguyên	1	1	5.00	6.00	3.50	14.50
30	LT12-660	Nguyễn Thế Sơn	19/07/91	Nam	Kinh	Tân Yên-Bắc Giang	0	KV2-NT	7.00	8.00	1.00	16.00
31	LT12-661	Nguyễn Văn Tân	11/12/1991	Nam	Kinh	Hiệp Hoà - Bắc Giang	0	KV2-NT	6.50	5.00	1.00	12.50
32	LT12-662	Nguyễn Văn Thắng	20/09/1991	Nam	Kinh	Phổ Yên - Thái Nguyên	0	1	7.00	6.00	1.50	14.50
33	LT12-663	Chu Thúc Thanh	22/12/1991	Nam	Kinh	Việt Yên - Bắc Giang	0	KV2-NT	5.50	6.50	1.00	13.00
34	LT12-664	Nguyễn Nam Thanh	14/11/1987	Nam	Kinh	Phù Xá - Thái Nguyên	0	2	6.50	7.50	0.50	14.50
35	LT12-665	Nguyễn Hữu Thiệu	03/09/1991	Nam	Kinh	Hiệp Hoà - Bắc Giang	0	KV2-NT	8.00	7.00	1.00	16.00
36	LT12-666	Trần Tân Trụ	23/01/90	Nam	Kinh	Ân Thi-Hưng Yên	0	KV2-NT	8.50	5.50	1.00	15.00
37	LT12-667	Nguyễn Thanh Tú	23/07/1991	Nam	Kinh	Vĩnh Niệm - Hải Phòng	0	2	8.00	7.00	0.50	15.50
38	LT12-668	Bùi Thanh Tùng	17/03/90	Nam	Kinh	Sông Công-Thái Nguyên	0	1	4.00	5.00	1.50	10.50
39	LT12-669	Nguyễn Sơn Tùng	19/12/1990	Nam	Kinh	Sông Công - Thái Nguyên	0	1	8.00	6.50	1.50	16.00
40	LT12-670	Nguyễn Ngọc Tuyền	16/03/91	Nam	Kinh	Đại Từ-Thái Nguyên	0	1	6.50	8.00	1.50	16.00
41	LT12-671	Tạ Thị Vân	13/09/1991	Nữ	Kinh	Hiệp Hoà - Bắc Giang	0	KV2-NT	6.50	6.00	1.00	13.50
42	LT12-672	Trần Xuân Yên	20/02/1991	Nam	Kinh	Hiệp Hoà - Bắc Giang	0	KV2-NT	7.00	6.00	1.00	14.00

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIẾN TRÚNG TUYỂN LIÊN THÔNG TỪ CAO ĐẲNG LÊN ĐẠI HỌC NĂM 2012

Đợt 3 - Ngày thi 29, 30 tháng 9 năm 2012

Ngành Kỹ thuật Điện tử, Truyền thông - Chuyên ngành Điện tử viễn thông - ĐH Chính quy

STT	Số BD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Đ.tượng	Kh.vực	Đ.Cơ sở	Đ.C.ngành	Đ.Uu tiên	Tổng điểm
1	LT12-673	Đoàn Thanh Cảnh	10/03/89	Nam	Kinh	Chiêm Hóa-Tuyên Quang	0	1	8.00	8.50	1.50	18.00
2	LT12-674	Đoàn Huy Dũng	26/09/86	Nam	Kinh	TP Thái Nguyên	0	2	8.00	8.00	0.50	16.50
3	LT12-675	Vũ Bích Phương	02/01/88	Nam	Kinh	Sơn Dương-Tuyên Quang	0	1	9.50	8.50	1.50	19.50

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIẾN TRÚNG TUYỂN LIÊN THÔNG TỪ CAO ĐẲNG LÊN ĐẠI HỌC NĂM 2012

Đợt 3 - Ngày thi 29, 30 tháng 9 năm 2012

Ngành Kinh tế Kỹ thuật Công trình Xây dựng - Chuyên ngành Xây dựng dân dụng và CN - ĐH Chính quy

STT	Số BD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Đ.tượng	Kh.vực	Đ.Cơ sở	Đ.C.ngành	Đ.Uu tiên	Tổng điểm
1	LT12-676	Ngô Tuấn Anh	18/12/90	Nam	Kinh	Việt Trì-Phú Thọ	0	1	6.50	5.50	1.50	13.50

STT	Số BD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Đ.tượng	Kh.vực	Đ.Cơ sở	Đ.C.ngành	Đ.Uu tiên	Tổng điểm
2	LT12-677	Trần Đại Dương	16/09/90	Nam	Kinh	Văn Chấn-Yên Bái	0	1	6.50	5.50	1.50	13.50
3	LT12-678	Nguyễn Bá Huân	08/04/91	Nam	Kinh	Tân Yên-Bắc Giang	0	KV2-NT	6.00	5.50	1.00	12.50
4	LT12-679	Nông Văn Huân	30/07/88	Nam	Tày	P.Tích Lương-TP Thái Nguyên	1	2	5.50	3.00	2.50	11.00
5	LT12-681	Nguyễn Quang Phúc	21/07/87	Nam	Kinh	Phú Lương-Thái Nguyên	0	1	8.50	5.50	1.50	15.50
6	LT12-682	Vũ Ngọc Quân	13/02/90	Nam	Kinh	Đại Từ-Thái Nguyên	0	1	6.50	5.00	1.50	13.00
7	LT12-683	Nguyễn Phương Quang	20/11/90	Nam	Kinh	P.Quang Trung-TP Thái Nguyên	0	2	6.50	6.00	0.50	13.00
8	LT12-684	Nguyễn Văn Sơn	25/10/90	Nam	Kinh	Đại Từ-Thái Nguyên	0	1	5.50	6.50	1.50	13.50
9	LT12-685	Nguyễn Văn Thái	26/01/89	Nam	Kinh	Đại Từ-Thái Nguyên	0	1	5.00	6.50	1.50	13.00
10	LT12-686	Nguyễn Thanh Tùng	25/09/90	Nam	Kinh	Phú Lương-Thái Nguyên	0	1	6.50	7.00	1.50	15.00
11	LT12-687	Nguyễn Văn Tới	09/01/91	Nam	Kinh	Hữu Lũng-Lạng Sơn	0	1	5.50	6.00	1.50	13.00
12	LT12-688	Nguyễn Thanh Tùng	08/12/90	Nam	Kinh	Định Hóa-Thái Nguyên	0	1	6.00	5.50	1.50	13.00
13	LT12-689	Nguyễn Văn Mạnh	26/08/90	Nam	Kinh	Nghĩa Hưng - Nam Định	0	KV2-NT	7.50	5.50	1.00	14.00
14	LT12-690	Nguyễn Hữu Cường	02/03/90	Nam	Kinh	Nam Vân - Nam Định	0	KV2-NT	7.50	6.50	1.00	15.00
15	LT12-840	Lại Việt Quyết	27/03/91	Nam	Kinh	Nam Trực - Nam Định	0	KV2-NT	7.50	5.00	1.00	13.50

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIẾN TRÚNG TUYỂN LIÊN THÔNG TỪ CAO ĐẲNG LÊN ĐẠI HỌC NĂM 2012

Đợt 3 - Ngày thi 29, 30 tháng 9 năm 2012

Ngành Kỹ thuật Cơ khí - Chuyên ngành Cơ khí Chế tạo máy - ĐH Chính quy

STT	Số BD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Đ.tượng	Kh.vực	Đ.Cơ sở	Đ.C.ngành	Đ.Uu tiên	Tổng điểm
1	LT12-691	Phan Văn An	02/09/91	Nam	Kinh	Tân Kỳ-Nghệ An	0	1	9.00	7.50	1.50	18.00
2	LT12-692	Dương Chính Anh	27/02/91	Nam	Kinh	Phú Xá - Thái Nguyên	0	2	8.50	7.00	0.50	16.00
3	LT12-693	Nguyễn Xuân Bắc	05/09/89	Nam	Kinh	Đồng Hỷ-Thái Nguyên	0	1	7.00	5.50	1.50	14.00
4	LT12-694	Nguyễn Văn Bình	05/11/91	Nam	Sán Diu	Phổ Yên - Thái Nguyên	1	1	5.00	6.50	3.50	15.00
5	LT12-695	Phạm Văn Bộ	28/10/1991	Nam	Kinh	Yên Khánh - Ninh Bình	0	KV2-NT	7.50	7.00	1.00	15.50
6	LT12-696	Nguyễn Văn Cảnh	27/3/1991	Nam	Kinh	Phú Lương - Thái Nguyên	0	1	6.50	7.00	1.50	15.00
7	LT12-697	Nguyễn Văn Châu	16/8/1990	Nam	Kinh	Yên Thành - Nghệ An	0	KV2-NT	8.50	7.50	1.00	17.00
8	LT12-698	Lê Công Chức	1/2/1991	Nam	Nùng	Phú Lương - Thái Nguyên	0	KV2-NT	6.50	8.00	1.00	15.50
9	LT12-699	Đặng Văn Côn	4/4/1989	Nam	Kinh	Tiên Du - Bắc Ninh	0	1	6.00	7.50	1.50	15.00
10	LT12-700	Nguyễn Hồng Công	30/12/91	Nam	Kinh	Quỳnh Lưu-Nghệ An	0	KV2-NT	8.50	5.50	1.00	15.00
11	LT12-701	Trần Thị Cúc	10/2/1991	Nữ	Kinh	Bắc Hà - Lào Cai	0	1	8.50	6.50	1.50	16.50

STT	Số BD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Đ.tương	Kh.vực	Đ.Cơ sở	Đ.C.ngành	Đ.Ưu tiên	Tổng điểm
12	LT12-702	Chu Duy Cường	21/06/91	Nam	Kinh	Lạng Giang-Bắc Giang	0	KV2-NT	9.00	5.50	1.00	15.50
13	LT12-703	Đàm Văn Cường	15/08/90	Nam	Kinh	Mê Linh - Hà Nội	0	KV2-NT	7.50	5.50	1.00	14.00
14	LT12-704	Lê Đức Cường	19/10/1990	Nam	Kinh	Tân Yên - Bắc Giang	0	KV2-NT	8.00	6.00	1.00	15.00
15	LT12-705	Lê Đức Cường	10/11/1991	Nam	Kinh	Đại Từ - Thái Nguyên	0	1	7.00	5.00	1.50	13.50
16	LT12-706	Ngô Chí Cường	25/5/1990	Nam	Tày	Thạch An - Cao Bằng	1	1	6.00	7.00	3.50	16.50
17	LT12-707	Nguyễn Cường	17/12/1991	Nam	Kinh	Sông Công - Thái Nguyên	0	2	8.00	6.00	0.50	14.50
18	LT12-708	Phan Văn Cường	27/8/1990	Nam	Kinh	Kiến Xương - Thái Bình	0	KV2-NT	7.50	7.00	1.00	15.50
19	LT12-709	Hà Hải Diệp	22/07/91	Nữ	Tày	Cao Lộc-Lạng Sơn	1	1	8.00	5.00	3.50	16.50
20	LT12-711	Nguyễn Văn Đông	01/11/91	Nam	Kinh	Thanh Liêm-Hà Nam	0	KV2-NT	8.50	5.50	1.00	15.00
21	LT12-712	Nguyễn Văn Duẩn	24/11/90	Nam	Kinh	Yên Thành-Nghệ An	0	1	8.50	7.50	1.50	17.50
22	LT12-713	Lường Công Đức	04/06/91	Nam	Kinh	Phú Bình-Thái Nguyên	0	1	7.50	7.00	1.50	16.00
23	LT12-715	Đặng Đình Dũng	1/6/1990	Nam	Kinh	Hương Sơn - Thái Nguyên	0	2	6.50	6.00	0.50	13.00
24	LT12-716	Hồ Văn Dũng	05/01/91	Nam	Kinh	Sóc sơn-Hà Nội	0	2	8.50	5.00	0.50	14.00
25	LT12-717	Nguyễn Mạnh Dũng	9/9/1990	Nam	Kinh	Phú Bình - Thái Nguyên	0	KV2-NT	8.00	8.00	1.00	17.00
26	LT12-718	Vũ Quang Dũng	16/02/90	Nam	Kinh	Lạng Giang-Bắc Giang	0	KV2-NT	6.50	6.00	1.00	13.50
27	LT12-719	Nguyễn Thái Dương	2/6/1991	Nam	Kinh	Hương Sơn - Thái Nguyên	0	2	6.50	6.50	0.50	13.50
28	LT12-720	Đỗ Xuân Duy	30/4/1990	Nam	Kinh	Lục Nam - Bắc Giang	0	1	5.00	6.00	1.50	12.50
29	LT12-721	Bùi Hoàng Giang	29/1/1990	Nam	Kinh	Trung Thành - Thái Nguyên	0	2	7.00	5.00	0.50	12.50
30	LT12-722	Đào Xuân Giang	02/06/88	Nam	Kinh	Đồng Hỷ-Thái Nguyên	0	1	8.50	7.50	1.50	17.50
31	LT12-723	Nguyễn Trường Giang	30/10/1990	Nam	Kinh	Đại Từ - Thái Nguyên	0	1	8.00	7.00	1.50	16.50
32	LT12-724	Đỗ Khắc Hà	11/4/1989	Nam	Kinh	Quế Võ - Bắc Ninh	0	KV2-NT	7.50	8.00	1.00	16.50
33	LT12-725	Đồng Đại Hải	23/08/90	Nam	Kinh	Phú Bình-Thái Nguyên	0	1	8.50	6.50	1.50	16.50
34	LT12-726	Hoàng Trần Hải	22/02/90	Nam	Kinh	Sông Công-Thái Nguyên	0	1	7.50	6.50	1.50	15.50
35	LT12-727	Nguyễn Công Hải	9/12/1991	Nam	Kinh	Thuận Thành - Bắc Ninh	0	KV2-NT	7.50	7.00	1.00	15.50
36	LT12-728	Nguyễn Văn Hải	25/08/89	Nam	Kinh	Hà Trung-Thanh Hóa	0	1	6.50	6.00	1.50	14.00
37	LT12-729	Hoàng Thê Hiền	11/3/1991	Nam	Tày	Chợ Đồn - Bắc Kạn	1	1	8.00	6.50	3.50	18.00
38	LT12-730	Nguyễn Trung Hiếu	31/12/91	Nam	Kinh	Yên Lạc-Vĩnh Phúc	0	KV2-NT	8.00	7.50	1.00	16.50
39	LT12-731	Nguyễn Văn Hiếu	17/11/1990	Nam	Cao Lan	Yên Sơn - Tuyên Quang	1	1	8.00	7.50	3.50	19.00
40	LT12-732	Trương Trung Hiếu	25/01/91	Nam	Kinh	Phổ Yên-Thái Nguyên	0	KV2-NT	8.50	8.50	1.00	18.00
41	LT12-733	Mông Văn Hoan	13/12/90	Nam	Nùng	Lục Yên-Yên Bái	1	1	7.00	7.00	3.50	17.50
42	LT12-734	Phạm Duy Hoàn	16/5/1991	Nam	Kinh	Hiệp Hoà - Bắc Giang	0	KV2-NT	8.50	7.00	1.00	16.50
43	LT12-735	Mai Văn Hợp	25/11/1990	Nam	Kinh	Trực Ninh - Nam Định	0	KV2-NT	7.00	8.50	1.00	16.50

STT	Số BD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Đ.tương	Kh.vực	Đ.Cơ sở	Đ.C.ngành	Đ.Ưu tiên	Tổng điểm
44	LT12-737	Dương Quốc Huân	11/5/91	Nam	Kinh	Sông Công-Thái Nguyên	0	1	7.00	5.00	1.50	13.50
45	LT12-738	Bùi Văn Hưng	16/4/1991	Nam	Kinh	Hiệp Hoà - Bắc Giang	0	KV2-NT	5.50	7.00	1.00	13.50
46	LT12-739	Đinh Văn Hưng	21/5/1990	Nam	Kinh	Đồng Hỷ - Thái Nguyên	0	1	5.50	7.50	1.50	14.50
47	LT12-740	Dương Ngọc Hưng	12/09/91	Nam	Kinh	Phú Bình-Thái Nguyên	0	1	6.50	7.00	1.50	15.00
48	LT12-741	Dương Văn Hùng	25/04/91	Nam	Nùng	Sơn Động-Bắc Giang	1	1	6.50	7.00	3.50	17.00
49	LT12-742	Lê Việt Hùng	25/3/1991	Nam	Kinh	Uông Bí - Quảng Ninh	0	2	5.50	7.50	0.50	13.50
50	LT12-743	Nguyễn Đắc Hưng	25/12/1991	Nam	Kinh	Gia Bình - Bắc Ninh	0	KV2-NT	6.00	8.00	1.00	15.00
51	LT12-744	Nguyễn Huy Hùng	02/09/91	Nam	Kinh	Đồng Hỷ-Thái Nguyên	0	1	7.50	6.00	1.50	15.00
52	LT12-745	Thân Văn Hưng	3/12/1991	Nam	Kinh	Việt Yên - Bắc Giang	0	KV2-NT	6.50	5.50	1.00	13.00
53	LT12-746	Trần Văn Hưng	03/07/91	Nam	Kinh	Phổ Yên-Thái Nguyên	0	KV2-NT	9.00	6.50	1.00	16.50
54	LT12-747	Vũ Văn Hưng	26/5/1990	Nam	Kinh	Tân Yên - Bắc Giang	0	KV2-NT	8.00	7.00	1.00	16.00
55	LT12-748	Hồ Văn Hường	17/4/1989	Nam	Dáy	Bát Xát - Lào Cai	1	1	6.50	7.00	3.50	17.00
56	LT12-749	Hoàng Văn Huy	06/03/90	Nam	Kinh	Phú Bình-Thái Nguyên	0	1	8.00	5.50	1.50	15.00
57	LT12-750	Nguyễn Quốc Khánh	2/9/1986	Nam	Kinh	Đại Từ - Thái Nguyên	0	1	6.00	6.00	1.50	13.50
58	LT12-751	Phan Duy Khánh	23/1/1990	Nam	Kinh	Hương Khê - Hà Tĩnh	0	1	8.00	9.00	1.50	18.50
59	LT12-752	Lê Trung Kiên	24/7/1991	Nam	Kinh	Văn Lâm - Hưng Yên	0	2	8.00	7.00	0.50	15.50
60	LT12-753	Tổng Văn Lâm	28/02/91	Nam	Kinh	Lạng Giang-Bắc Giang	0	1	8.50	5.00	1.50	15.00
61	LT12-754	Hoàng Văn Linh	14/08/91	Nam	Nùng	Tân Yên-Bắc Giang	1	KV2-NT	8.50	7.50	3.00	19.00
62	LT12-755	Nguyễn Ngọc Lộc	12/11/1991	Nam	Kinh	Bảo Thắng - Lào Cai	0	1	5.00	7.00	1.50	13.50
63	LT12-756	Hoàng Minh Lợi	3/11/1990	Nam	Kinh	Đồng Hỷ - Thái Nguyên	0	1	5.00	7.00	1.50	13.50
64	LT12-757	Bùi Văn Long	17/7/1991	Nam	Kinh	Thanh Hà - Hải Dương	0	KV2-NT	5.00	7.00	1.00	13.00
65	LT12-758	Nguyễn Hải Long	2/11/1991	Nam	Kinh	Sông Công - Thái Nguyên	0	2	8.00	6.50	0.50	15.00
66	LT12-759	Đỗ Thị Mận	16/5/1991	Nữ	Kinh	Sông Công - Thái Nguyên	0	2	8.00	6.00	0.50	14.50
67	LT12-760	Vũ Quang Mạnh	6/7/1990	Nam	Kinh	Khoái Châu - Hưng Yên	0	KV2-NT	8.50	7.00	1.00	16.50
68	LT12-761	Ninh Văn Minh	21/10/90	Nam	Kinh	Tp Bắc Giang	0	1	7.50	5.00	1.50	14.00
69	LT12-762	Triệu Văn Mùi	12/06/91	Nam	Dao	Đại Từ-Thái Nguyên	1	1	8.00	7.00	3.50	18.50
70	LT12-763	Dương Hoài Nam	22/11/1990	Nam	Kinh	Tích Lương - Thái Nguyên	0	2	4.00	9.50	0.50	14.00
71	LT12-764	Hoàng Văn Nam	05/05/90	Nam	Cao Lan	Sơn Dương-Tuyên Quang	1	1	7.00	7.00	3.50	17.50
72	LT12-765	Nguyễn Thế Nam	01/09/91	Nam	Kinh	Tân Yên-Bắc Giang	0	KV2-NT	6.50	7.00	1.00	14.50
73	LT12-766	Đào Đức Năng	26/02/91	Nam	Kinh	Ý Yên-Nam Định	0	KV2-NT	7.00	7.50	1.00	15.50
74	LT12-767	Nguyễn Trọng Nghĩa	19/04/89	Nam	Kinh	Lương Sơn-Thái Nguyên	0	2	8.50	9.50	0.50	18.50
75	LT12-768	Nguyễn Văn Ngọc	29/7/1991	Nam	Kinh	Phú Lương - Thái Nguyên	0	1	8.00	7.50	1.50	17.00

STT	Số BD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Đ.tương	Kh.vực	Đ.Cơ sở	Đ.C.ngành	Đ.Ưu tiên	Tổng điểm
76	LT12-769	Trần Xuân Ngọc	8/3/1990	Nam	Kinh	Ứng Hoà - Hà Nội	0	KV2-NT	5.50	7.00	1.00	13.50
77	LT12-770	Bá Văn Nguyên	24/10/91	Nam	Kinh	Phổ Yên-Thái Nguyên	0	1	7.00	8.00	1.50	16.50
78	LT12-771	Lưu Xuân Nguyên	04/11/91	Nam	Kinh	Thuận Thành-Bắc Ninh	0	KV2-NT	7.50	7.00	1.00	15.50
79	LT12-772	Nguyễn Văn Nguyên	27/06/91	Nam	Kinh	Phủ Bình-Thái Nguyên	0	1	5.50	6.00	1.50	13.00
80	LT12-773	Trần Văn Nhân	23/10/90	Nam	Kinh	Ân Thi-Hưng Yên	0	KV2-NT	5.00	5.00	1.00	11.00
81	LT12-774	Phan Cao Phúc	25/10/91	Nam	Kinh	Xã Quyết Thắng-TP Thái Nguyên	0	2	8.00	7.00	0.50	15.50
82	LT12-775	Nguyễn Văn Phương	27/3/1991	Nam	Kinh	Tân Yên - Bắc Giang	0	KV2-NT	8.00	7.50	1.00	16.50
83	LT12-776	Ngô Văn Quang	8/8/1991	Nam	Kinh	Sông Công - Thái Nguyên	0	2	5.50	6.50	0.50	12.50
84	LT12-777	Tất Văn Quang	11/04/91	Nam	Kinh	Xã Phúc Xuân-TP Thái Nguyên	0	1	7.50	8.50	1.50	17.50
85	LT12-778	Trần Văn Quang	18/05/85	Nam	Kinh	Hương Khê-Hà Tĩnh	0	1	5.00	8.50	1.50	15.00
86	LT12-779	Vũ Văn Quyết	05/02/91	Nam	Kinh	Thanh Liêm-Hà Nam	0	1	5.50	5.00	1.50	12.00
87	LT12-780	Hoàng Văn Quỳnh	27/03/85	Nam	Kinh	Yên Sơn-Tuyên Quang	0	1	5.50	6.50	1.50	13.50
88	LT12-781	Nguyễn Ngọc Quỳnh	20/5/1991	Nam	Kinh	TP Vinh - Nghệ An	0	2	5.00	7.50	0.50	13.00
89	LT12-782	Phạm Văn Quỳnh	20/10/91	Nam	Kinh	Thanh Liêm-Hà Nam	0	1	6.00	5.00	1.50	12.50
90	LT12-783	Vũ Trảng Sâm	2/7/1991	Nam	Kinh	Quỳnh Phụ - Thái Bình	0	KV2-NT	5.50	8.00	1.00	14.50
91	LT12-784	Đặng Thái Sơn	08/01/91	Nam	Kinh	Xã Quyết Thắng-TP Thái Nguyên	0	2	8.00	8.50	0.50	17.00
92	LT12-785	Nguyễn Trọng Tài	9/11/1991	Nam	Kinh	Sơn Dương - Tuyên Quang	0	1	6.50	7.50	1.50	15.50
93	LT12-786	Lưu Chí Thái	03/04/91	Nam	Kinh	Lục Nam-Bắc Giang	0	1	6.50	6.00	1.50	14.00
94	LT12-787	Nguyễn Văn Thái	7/7/1991	Nam	Kinh	Tân Yên - Bắc Giang	0	KV2-NT	7.50	8.00	1.00	16.50
95	LT12-788	Bùi Toàn Thắng	23/01/91	Nam	Kinh	Hương Sơn - Thái Nguyên	0	1	6.00	7.00	1.50	14.50
96	LT12-789	Lê Văn Thắng	01/01/90	Nam	Kinh	Thịệu Hóa-Thanh Hóa	0	1	5.00	6.50	1.50	13.00
97	LT12-790	Trần Ngọc Thắng	28/2/1986	Nam	Kinh	Phổ Yên - Thái Nguyên	0	KV2-NT	6.00	7.00	1.00	14.00
98	LT12-791	Triệu Đức Thắng	29/6/1991	Nam	Kinh	Hiệp Hoà - Bắc Giang	0	KV2-NT	7.00	7.00	1.00	15.00
99	LT12-792	Nguyễn Chí Thành	21/6/1991	Nam	Kinh	Kỳ Anh - Hà Tĩnh	0	1	5.00	7.50	1.50	14.00
100	LT12-793	Trương Văn Thành	2/1/1991	Nam	Kinh	Hà Trung - Thanh Hoá	0	KV2-NT	6.00	8.50	1.00	15.50
101	LT12-794	Phạm Hữu Thi	10/11/91	Nam	Kinh	Ý Yên-Nam Định	0	KV2-NT	7.50	5.50	1.00	14.00
102	LT12-795	Vy Văn Thịnh	07/06/91	Nam	Nùng	Lộc Bình-Lạng Sơn	1	1	6.50	5.00	3.50	15.00
103	LT12-796	Bùi Đắc Thọ	22/09/91	Nam	Kinh	Vĩnh Bảo-Hải Phòng	0	2	6.50	5.00	0.50	12.00
104	LT12-797	Nguyễn Văn Thuận	28/01/91	Nam	Kinh	Tân Yên-Bắc Giang	0	KV2-NT	6.50	8.00	1.00	15.50
105	LT12-798	Hoàng Văn Thường	13/11/1988	Nam	Tày	Định Hoá - Thái Nguyên	1	1	7.00	7.00	3.50	17.50
106	LT12-799	Trương Đăng Tiến	02/03/91	Nam	Kinh	Đông Hưng-Thái Bình	0	KV2-NT	7.00	9.00	1.00	17.00
107	LT12-800	Nguyễn Công Tiệp	15/8/1990	Nam	Kinh	Yên Phong - Bắc Ninh	0	KV2-NT	6.50	8.00	1.00	15.50

STT	Số BD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Đ.tượng	Kh.vực	Đ.Cơ sở	Đ.C.ngành	Đ.Ưu tiên	Tổng điểm
108	LT12-801	Đoàn Văn Toán	27/12/91	Nam	Kinh	Triệu Sơn-Thanh Hóa	0	KV2-NT	6.00	7.50	1.00	14.50
109	LT12-802	Nguyễn Khắc Toan	7/12/1990	Nam	Kinh	Tiên Lữ - Hưng Yên	0	KV2-NT	8.00	7.00	1.00	16.00
110	LT12-803	Đào Văn Trình	02/11/91	Nam	Kinh	Lạng Giang-Bắc Giang	0	1	7.00	8.50	1.50	17.00
111	LT12-804	Đặng Văn Trung	25/2/1991	Nam	Kinh	Bình Giang - Hải Dương	0	KV2-NT	8.00	7.50	1.00	16.50
112	LT12-805	Hà Văn Trung	28/1/1990	Nam	Kinh	Phổ Yên - Thái Nguyên	0	KV2-NT	8.00	8.50	1.00	17.50
113	LT12-806	Ngô Văn Trường	16/8/1990	Nam	Kinh	Hiệp Hoà - Bắc Giang	0	KV2-NT	5.00	7.00	1.00	13.00
114	LT12-807	Nguyễn Văn Tư	3/9/1990	Nam	Kinh	Mê Linh - Hà Nội	0	KV2-NT	6.50	8.00	1.00	15.50
115	LT12-808	Đồng Ngọc Tuấn	26/8/1991	Nam	Kinh	Cam Giá - Thái Nguyên	0	2	8.00	7.00	0.50	15.50
116	LT12-809	Hà Văn Tuấn	2/01/85	Nam	Kinh	Lạng Giang-Bắc Giang	0	1	6.50	6.50	1.50	14.50
117	LT12-810	Lê Anh Tuấn	01/11/88	Nam	Kinh	Sông Công-Thái Nguyên	0	2	6.50	8.00	0.50	15.00
118	LT12-811	Nguyễn Mạnh Tuấn	28/11/90	Nam	Kinh	Tân Lập - Thái Nguyên	0	2	6.00	7.00	0.50	13.50
119	LT12-812	Nguyễn Việt Tuấn	14/05/90	Nam	Kinh	Phổ Yên-Thái Nguyên	0	1	7.50	7.50	1.50	16.50
120	LT12-813	Trần Anh Tuấn	06/10/91	Nam	Kinh	Phổ Yên-Thái Nguyên	0	1	8.50	7.00	1.50	17.00
121	LT12-814	Trần Văn Tuấn	17/07/82	Nam	Kinh	Việt Yên - Bắc Giang	0	KV2-NT	8.50	6.00	1.00	15.50
122	LT12-815	Ông Vi Tùng	16/03/91	Nam	Hoa	Sơn Dương-Tuyên Quang	0	1	9.00	6.00	1.50	16.50
123	LT12-816	Phạm Văn Tùng	19/09/90	Nam	Kinh	Triệu Sơn-Thanh Hóa	0	KV2-NT	9.00	8.00	1.00	18.00
124	LT12-817	Nguyễn Thế Tuyển	12/04/91	Nam	Kinh	Ứng Hòa-Hà Nội	0	KV2-NT	6.50	5.00	1.00	12.50
125	LT12-819	Nguyễn Văn Viên	26/08/91	Nam	Kinh	Phổ Yên-Thái Nguyên	0	1	7.00	8.00	1.50	16.50
126	LT12-820	Phan Duy Vũ	2/5/1991	Nam	Kinh	Đồng Hỷ - Thái Nguyên	0	1	7.50	7.00	1.50	16.00
127	LT12-821	Hoàng Quốc Vương	23/40/89	Nam	Kinh	Phổ Yên - Thái Nguyên	0	1	8.50	8.00	1.50	18.00
128	LT12-834	Trần Văn Giang	07/04/91	Nam	Kinh	Chương Mỹ - Hà Nội	0	KV2-NT	7.50	7.00	1.00	15.50
129	LT12-835	Lương Anh Hoàng	10/07/91	Nam	Tày	Định Hóa - Thái Nguyên	1	1	6.50	7.00	3.50	17.00
130	LT12-836	Trần Hồng Linh	19/08/88	Nam	Kinh	Phú Lương - Thái Nguyên	0	1	6.50	7.00	1.50	15.00

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIẾN TRÚNG TUYỂN LIÊN THÔNG TỪ CAO ĐẲNG LÊN ĐẠI HỌC NĂM 2012

Đợt 3 - Ngày thi 29, 30 tháng 9 năm 2012

Ngành Kỹ thuật Cơ khí - Chuyên ngành Cơ khí Luyện kim - Cán thép - ĐH Chính quy

STT	Số BD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Đ.tượng	Kh.vực	Đ.Cơ sở	Đ.C.ngành	Đ.Ưu tiên	Tổng điểm
1	LT12-822	Nguyễn Văn Thuận	30/10/87	Nam	Kinh	Hương Khê - Hà Tĩnh	0	1	4.50	6.00	1.50	12.00
2	LT12-823	Nguyễn Tất Anh	30/12/90	Nam	Kinh	Thuận Thành-Bắc Ninh	0	1	7.50	7.00	1.50	16.00

STT	Số BD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Đ.tượng	Kh.vực	Đ.Cơ sở	Đ.C.ngành	Đ.Uu tiên	Tổng điểm
3	LT12-824	Vũ Hà Giang	16/11/91	Nam	Kinh	Đại Từ-Thái Nguyên	0	1	6.00	6.50	1.50	14.00
4	LT12-826	Nguyễn Văn Hiệu	01/11/91	Nam	Kinh	Diễn Châu Nghệ An	0	KV2-NT	7.50	7.00	1.00	15.50
5	LT12-827	Ngô Văn Nghị	03/02/91	Nam	Kinh	Lương Sơn-Thái Nguyên	0	2	7.00	7.50	0.50	15.00
6	LT12-828	Đào Văn Lâm	03/09/91	Nam	Kinh	Lục Nam-Bắc Giang	0	1	6.50	7.00	1.50	15.00
7	LT12-829	Trần Anh Dương	03/02/91	Nam	Kinh	Bảo Yên Lào Cai	0	1	7.50	8.00	1.50	17.00
8	LT12-830	Nguyễn Việt Đức	26/08/86	Nam	Kinh	Đại Từ-Thái Nguyên	0	1	5.00	6.00	1.50	12.50
9	LT12-831	Nghiêm Xuân Hạnh	26/05/91	Nam	Kinh	Ấn Thi-Hung Yên	0	KV2-NT	5.00	7.00	1.00	13.00
10	LT12-832	Phạm Văn Bình	21/08/91	Nam	Tày	Văn Bàn Lào cai	1	1	8.50	7.50	3.50	19.50
11	LT12-837	Long Văn Tươi	29/03/88	Nam	Nùng	Hữu Lũng - Lạng Sơn	1	1	7.50	7.00	3.50	18.00